

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11- 3 - 2024

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bình;
- Ông Nguyễn Văn Lên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 125/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Ngân H, sinh năm 1985, có mặt.

Địa chỉ HKTT: đường H, Khu phố B, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

Nơi ở hiện nay tại: Số D đường H, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1983, có mặt.

HKTT: đường H, Khu phố B, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

Nơi ở hiện nay: Số C, đường L, Khu phố B, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thụy Ngân H và phần trình bày của bà H trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Bà Nguyễn Thụy Ngân H và ông Nguyễn Duy T tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M (nay là Phường A, thị xã K), tỉnh Long An vào năm 2012. Vợ chồng chung sống được 05 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, vợ chồng mạnh ai nấy sống không quan tâm chia sẻ cho nhau nên không hạnh phúc. Hai bên không còn sống chung khoảng 03 tháng nay.

Về hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhã T1,

sinh ngày 04/6/2013 và Nguyễn Duy T2, sinh ngày 05/9/2017. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì 02 con do ông T nuôi dưỡng, chăm sóc. Trước đây bà đồng ý giao 02 con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tuy nhiên nay bà thay đổi một phần yêu cầu, cụ thể bà yêu cầu được nuôi cháu T1 vì cháu là con gái và cần có sự chăm sóc của mẹ, đồng ý giao cháu T2 cho ông T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về điều kiện nuôi con, hiện nay bà H đang ở nhà thuê cùng với cha mẹ tại Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập của bà mỗi tháng trung bình 6.000.000 đồng tùy theo lúc việc nhiều, lúc việc ít.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Duy T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Ông T và bà Nguyễn Thụy Ngân H tự nguyện tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M. Vợ chồng vẫn chung sống bình thường thì bà H bỏ nhà đi, ông nhận thấy không có mâu thuẫn gì lớn, quá trình chung sống thì ông vẫn quan tâm chăm sóc vợ con, vẫn phụ tiền chăm lo cho con cái và gia đình. Nay tại phiên tòa bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã T1, sinh ngày 04/6/2013 và Nguyễn Duy T2, sinh ngày 05/9/2017. Hiện nay 02 con đang do ông trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông vẫn bảo đảm việc chăm sóc con, các con hiện đang theo học tại thị xã K. Do đó, khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng. Hiện nay ông có cửa hàng buôn bán tại thị xã K, thu nhập trung bình mỗi tuần khoảng 3.000.000 đồng. Hiện nay bà H lên thành phố ở nhà thuê, công việc cũng như thu nhập chưa ổn định nên không thể đảm bảo điều kiện nuôi con nên ông không đồng ý giao cháu T1 cho bà H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thụy Ngân H với ông Nguyễn Duy T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp là ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn ông T có địa chỉ cư trú tại thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Ngân H và ông Nguyễn Duy T thống nhất trình bày quá trình tiến đến hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Căn cứ chứng cứ mà bà H cung cấp thể hiện bà H và ông T có đăng ký kết hôn ngày 26/11/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M (nay là U, thị xã K), tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 181/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà H yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tại phiên tòa, bị đơn ông T đồng ý ly hôn với bà H. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông T.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông T có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhã T1, sinh ngày 04/6/2013, giới tính nữ và cháu Nguyễn Duy T2, sinh ngày 05/9/2017, giới tính nam.

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu được nuôi cháu T1, đồng ý giao cháu T2 cho ông T nuôi dưỡng. Ngược lại, ông T yêu cầu được nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi bà H và ông T không còn chung sống với nhau thì ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, cả bà H và ông T đều thừa nhận trong thời gian qua ông T vẫn đảm bảo điều kiện nuôi con. Hiện nay 02 cháu đang theo học tại thị xã K trong khi bà H đã chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, đang ở nhà thuê, công việc cũng như thu nhập chưa ổn định. Do đó, căn cứ các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân gia đình, để đảm bảo sự ổn định về tâm lý và phát triển bình thường của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T không tranh chấp về tài sản chung, xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, án phí ly hôn tại phiên tòa là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thụy Ngân H đồng ý tự nguyện chịu toàn bộ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 51, 55, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thụy Ngân H với ông Nguyễn Duy T.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thụy Ngân H và ông Nguyễn Duy T.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhã T1, sinh ngày 04/6/2013, giới tính nữ và cháu Nguyễn Duy T2, sinh ngày 05/9/2017, giới tính nam cho ông Nguyễn Duy T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thụy Ngân H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thụy Ngân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì ông Nguyễn Duy T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Duy T cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bà H, ông T hoặc cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thụy Ngân H tự nguyện chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003111 ngày 25/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thụy Ngân H đã nộp đủ tiền án phí

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thụy Ngân H, ông Nguyễn Duy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Dương sự;
- UBND phường A, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Tuyết Nhung

